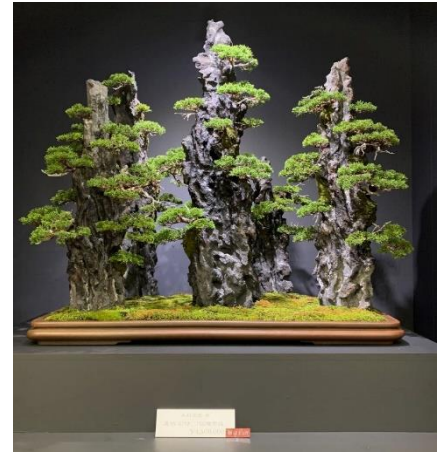


13. 外国人や若者にも盆栽ブーム

世界的な盆栽ブームの影響で、百貨店や都心の
 盆栽店で、一鉢数千円から十萬円の盆栽が
 外国人観光客に売られている。また、日本の若者
 の間でもインテリアとして盆栽を楽しむ人が増
 えており、昔は年寄りの趣味とされていた盆栽
 が、新しいファンを獲得しつつある。二千元から三千元ぐらいのミ
 ニ盆栽が、十代から二十代の女性を中心として売れているのは、
 「季節感があって、しかもかわいらしい」からだという。



単語リスト：

外国人(がいこくじん) Người nước ngoài	数千円(すうせんえん) Hàng nghìn yên	ファン Người hâm mộ
若者(わかもの) Thanh niên, giới trẻ	十萬円(じゅうまんえん) 100.000 yên	獲得しつつある(かくとくしつつある) Đạt được, nhận được
盆栽(ぼんさい) Cây cảnh (Bonsai)	観光客(かんこうきゃく) Khách du lịch	ミニ盆栽(ミニぼんさい) Cây cảnh mini (Mini Bonsai)
ブーム Trào lưu, xu hướng	売れている(うれている) Bán hàng	十代から二十代(じゅうだいからにじゅうだい) Từ thanh thiếu niên đến khoảng trên 20 tuổi
世界的な(せかいてきな) Mang tính toàn cầu	間(あいだ) Giữa	女性(じょうせい) Phụ nữ, nữ giới
影響(えいきょう) Ảnh hưởng	インテリア Trang trí nội thất	~を中心として(~をちゅうしんとして) Với Là trung tâm
百貨店(ひやつかてん) Trung tâm thương mại, cửa hàng bách hóa	楽しむ(たのしむ) Vui chơi, tận hưởng	
	増えて(ふえて) Tăng lên	

都心(としん) Trung tâm thành phố	昔(むかし) Ngày xưa	季節感(きせつかん) Cảm giác về các mùa
盆栽店(ぼんさいてん) Cửa hàng cây cảnh	年寄り(としより) Người cao tuổi, người già	しかも Ngoài ra
一鉢(ひとはち) Một chậu bonsai	趣味(しゅみ) Sở thích	かわいらしい Đáng yêu, dễ thương
	新しい(あたらしい) Mới	